



Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8853 /KH-UBND

Điện Biên, ngày 05 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 30/8/2026 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Thực hiện Quyết định 1685/QĐ-TTg ngày 30/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới; Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư và Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 30/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh; tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, hợp tác xã, người lao động và Nhân dân về nâng cao năng suất lao động gắn với phát triển thị trường lao động.

Phát triển thị trường lao động tỉnh Điện Biên theo hướng đồng bộ, hiện đại, linh hoạt, minh bạch, hiệu quả; tăng cường kết nối cung - cầu lao động; nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm; nâng cao khả năng dự báo nhu cầu nhân lực và khả năng thích ứng của người lao động.

Gắn nâng cao năng suất lao động với thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030, nhất là chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp chế biến, thương mại, du lịch, dịch vụ, kinh tế số, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng cho người lao động; đáp ứng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Phát triển việc làm bền vững, nâng cao thu nhập, mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

2. Yêu cầu

Bám sát đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quyết định số 1685/QĐ-TTg; đồng thời cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tế và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phân định rõ nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của tỉnh với nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Trung ương. Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền Trung ương, tỉnh thực hiện rà soát, tham gia ý kiến, đề xuất cấp có thẩm quyền và tổ chức triển khai khi có quy định, hướng dẫn.

Phân công nhiệm vụ gắn với chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, phát huy vai trò của các cơ quan đơn vị trong tổ chức thực hiện tại cơ sở theo nguyên tắc “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền”, không làm phát sinh cơ chế, chính sách chỉ tiêu hoặc tổ chức mới trái với quy định hiện hành; không trùng lặp, chồng chéo với các chương trình, kế hoạch, đề án khác. Việc thực hiện Kế hoạch phải gắn với khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh; ưu tiên lồng ghép với các chương trình, đề án, kế hoạch và nguồn lực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tạo chuyển biến về nhận thức đối với nâng cao năng suất lao động gắn với phát triển thị trường lao động

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Kết luận số 62-KL/TW và Quyết định số 1685/QĐ-TTg và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về việc làm, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động và phát triển thị trường lao động.

Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về đầu tư cho nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình quản trị, tổ chức sản xuất và nâng cao năng suất lao động.

Tăng cường tuyên truyền để người lao động chủ động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, kỹ năng số, tác phong công nghiệp và khả năng thích ứng với thay đổi của thị trường lao động.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả gắn với nâng cao năng suất lao động

Rà soát các quy định, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh liên quan đến việc làm, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, thu hút lao động có kỹ năng, quan hệ lao động, an sinh xã hội và nâng cao năng suất lao động; kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền.

Chủ động rà soát thực tiễn triển khai các quy định của pháp luật về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và an toàn, vệ sinh lao động; tổng hợp khó khăn, vướng mắc để tham gia ý kiến, đề xuất cấp có thẩm quyền.

Đối với các chính sách, cơ chế thuộc thẩm quyền của Trung ương, thực hiện rà soát, tham gia ý kiến, đề xuất cấp có thẩm quyền và tổ chức thực hiện khi được ban hành.

Gắn phát triển thị trường lao động với thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030 liên quan đến lĩnh vực, nhiệm vụ được giao¹.

¹ Kế hoạch số 6593/KH-UBND ngày 28/7/2026 của UBND tỉnh về việc giải quyết việc làm cho người lao động đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 26/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 8564/KH-UBND ngày 28/9/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW, ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về chất lượng nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên và Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 26/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tạo việc làm có năng suất lao động cao

Tập trung phát triển việc làm gắn với các ngành, lĩnh vực có tiềm năng và lợi thế của tỉnh; ưu tiên công nghiệp chế biến, nông nghiệp hàng hóa, du lịch, thương mại, dịch vụ và các hoạt động kinh tế có khả năng tạo giá trị tăng cao.

Gắn thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp với tạo việc làm và nâng cao năng suất lao động; hỗ trợ người lao động chuyển đổi việc làm phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chú trọng lao động khu vực nông thôn, vùng cao, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tăng cường tư vấn nghề nghiệp, tư vấn giới thiệu việc làm, kết nối cung – cầu lao động; tổ chức các phiên giao dịch việc làm, ngày hội việc làm, hội chợ việc làm, phiên giao dịch việc làm lưu động phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng địa bàn; quan tâm chú trọng người lao động ở vùng sâu, vùng xa các xã đặc biệt khó khăn để người lao động có điều kiện được tiếp cận trực tiếp về thị trường lao động, thông tin việc làm.

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.

4. Nâng cao chất lượng lao động đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường trong giai đoạn mới

Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tăng cường phối hợp giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng sau đào tạo. Khuyến khích các hình thức đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp, đào tạo lại, đào tạo bổ sung kỹ năng và chuyển đổi nghề.

Phát triển kỹ năng số, kỹ năng sử dụng công nghệ mới, kỹ năng nghề, kỹ năng mềm và khả năng thích ứng với thay đổi của thị trường lao động.

Đẩy mạnh hướng nghiệp, phân luồng học sinh; cung cấp thông tin về nhu cầu lao động, ngành nghề và cơ hội việc làm.

Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực tỉnh có nhu cầu cao như công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, thương mại, logistics, công nghệ số và các ngành dịch vụ.

5. Phát triển nâng cao năng suất lao động khu vực nông nghiệp

Đổi mới phương thức đào tạo nghề nông nghiệp theo hướng gắn với sản xuất hàng hóa, chuỗi giá trị, hợp tác xã, doanh nghiệp và thị trường.

Tăng cường đào tạo kiến thức về quản trị sản xuất, thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương.

Hỗ trợ người lao động nông nghiệp tiếp cận kỹ thuật sản xuất tiên tiến, cơ giới hóa và công nghệ phù hợp với điều kiện địa hình, khí hậu và sản phẩm chủ lực của tỉnh; từng bước chuyển dịch lao động từ khu vực có năng suất lao động thấp sang các

ngành, nghề có năng suất lao động và thu nhập cao hơn

Gắn đào tạo nghề nông nghiệp với phát triển các sản phẩm có lợi thế của Điện Biên, công nghiệp chế biến, OCOP, du lịch cộng đồng và phát triển kinh tế nông thôn.

6. Đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo động lực tăng năng suất lao động

Khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, tự động hóa, số hóa quy trình sản xuất và quản trị.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp.

Phát triển kỹ năng số cho người lao động; nâng cao khả năng sử dụng các nền tảng số trong tìm kiếm việc làm, học nghề, sản xuất, kinh doanh...

Từng bước xây dựng, kết nối và khai thác dữ liệu phục vụ phân tích năng suất lao động và thị trường lao động theo quy định.

Đối với các cơ chế thử nghiệm hoặc chính sách đặc thù thuộc thẩm quyền của Trung ương: Tỉnh thực hiện rà soát, nghiên cứu, tham gia ý kiến, đề xuất cấp có thẩm quyền và tổ chức triển khai khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

7. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Xác định nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh.

Nâng cao chất lượng đào tạo, khuyến khích liên kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu.

Tăng cường đào tạo nhân lực kỹ thuật, nhân lực công nghệ, nhân lực số và nhân lực quản trị.

Thực hiện chính sách thu hút, sử dụng và phát huy nhân lực chất lượng cao theo quy định hiện hành và khả năng nguồn lực của tỉnh.

Đối với các đề xuất về cơ chế đặc thù quỹ hoặc chính sách thuộc thẩm quyền Trung ương, thực hiện rà soát, tham gia ý kiến và đề xuất cấp có thẩm quyền; không tự đặt ra cơ chế mới khi chưa có căn cứ pháp lý.

8. Phát triển việc làm bền vững, chú trọng bảo đảm an sinh xã hội

Tăng cường thực hiện chính sách việc làm bền vững; nâng cao khả năng tiếp cận việc làm chính thức và các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người sử dụng lao động và người lao động thực hiện pháp luật về lao động, tiền lương, hợp đồng lao động, an toàn vệ sinh lao động và bảo hiểm.

Chủ động phòng ngừa, giải quyết tranh chấp lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.

Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động, hợp đồng lao động, chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội...

Hỗ trợ người lao động mất việc làm tiếp cận chính sách bảo hiểm thất nghiệp,

tư vấn, giới thiệu việc làm.

Đẩy mạnh tín dụng chính sách hỗ trợ tạo việc làm theo các chương trình, chính sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, linh hoạt, hiệu quả gắn với nâng cao năng suất lao động

Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Việc làm - Người có công, Sở Nội vụ; đa dạng hóa hình thức tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức phiên giao dịch việc làm trực tiếp, lưu động, trực tuyến và tại cơ sở; tăng cường kết nối người lao động với doanh nghiệp trong tỉnh, ngoài tỉnh và thị trường lao động ngoài nước.

Hoàn thiện, nâng cao chất lượng thông tin thị trường lao động; thường xuyên thu thập, cập nhật, phân tích và dự báo nhu cầu lao động theo ngành, nghề, địa bàn và nhóm đối tượng; chủ động cung cấp thông tin về việc làm, nhu cầu tuyển dụng, điều kiện làm việc và yêu cầu kỹ năng cho người lao động.

Chú trọng hỗ trợ người lao động mất việc làm, thiếu việc làm, lao động chuyển đổi nghề, lao động bị tác động bởi chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số tiếp cận thông tin thị trường lao động, tư vấn nghề nghiệp, đào tạo lại và tìm kiếm việc làm phù hợp.

Từng bước xây dựng, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về lao động, việc làm; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Tiếp tục vận hành, khai thác và sử dụng Sàn giao dịch việc làm Quốc gia theo quy định, thống nhất, đồng bộ, có hiệu quả trên địa bàn tỉnh để cung cấp thông tin chính thống về công tác tuyển dụng, giới thiệu việc làm; hạn chế tình trạng người lao động thiếu thông tin hoặc tiếp cận thông tin tuyển dụng không chính xác.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách hằng năm.

2. Lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác có liên quan theo quy định.

3. Huy động nguồn lực hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, thẩm định, bố trí kinh phí theo quy định; bảo đảm sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp, chồng chéo.

IV. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. Các cơ quan chủ trì nhiệm vụ tại Phụ lục có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi được giao; định kỳ hằng năm gửi báo cáo về Sở Nội vụ trước ngày 25 tháng 11 để tổng

hợp. Báo cáo phải đánh giá rõ kết quả đạt được, chỉ tiêu thực hiện, nhiệm vụ chưa hoàn thành, nguyên nhân, khó khăn, vướng mắc, trách nhiệm của cơ quan liên quan và đề xuất giải pháp, nhiệm vụ năm tiếp theo.

2. Sở Nội vụ chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, tham mưu UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền trước ngày 01 tháng 12 hằng năm theo yêu cầu của Quyết định 1685/QĐ-TTg hoặc báo cáo đột xuất khi UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành; UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch này và Phụ lục kèm theo. Căn cứ những nội dung, công việc tại Phụ lục phân công nhiệm vụ tại Quyết định 1685/QĐ-TTg, có trách nhiệm nghiên cứu, rà soát, tham gia ý kiến đối với những nội dung thuộc thẩm quyền theo lộ trình của Trung ương; kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

2. Trong quá trình triển khai, các cơ quan, đơn vị chủ động rà soát, lồng ghép nhiệm vụ với các chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền ban hành về phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo nghề, giảm nghèo, phát triển nông thôn, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chuyển đổi số và các chương trình có liên quan, bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo.

3. Sở Nội vụ là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; chủ trì tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; kịp thời tham mưu điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp khi có thay đổi về cơ chế, chính sách hoặc yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Trên đây là Kế hoạch nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đoạt